

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/DS-ST
Ngày 20 - 5 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Nhạn

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Loan - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 50/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Minh T, sinh năm 1966 - **Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T**. Địa chỉ: Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1980 và bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Phong Thạnh Tây, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Minh T - Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T trình bày:

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 ông có cho ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Thị Mỹ L vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, khi vay các bên có làm hợp đồng vay tiền nhưng nay đã bị thất lạc. Khi vay ông T, bà L thế chấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số O 618167, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13273 do Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai (nay là thị xã G) cấp ngày 25 tháng 10 năm 2000 cho ông Nguyễn Chí T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 15.600m², thửa đất số 0360, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Phong Thạnh Tây, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Ngọc Du vào ngày 17 tháng 9 năm 2018. Sau khi vay, ông T, bà L có đóng lãi nhưng ông không nhớ là bao nhiêu tiền. Đến ngày 15 tháng 11 năm 2020, ông T, bà L vay thêm của ông số tiền 27.000.000 đồng nên các bên thỏa thuận lập hợp đồng vay tiền tổng cộng tiền vay cũ và mới là 52.000.000 đồng, lãi suất 5% tháng. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2020 đến ngày 15 tháng 11 năm 2021. Hợp đồng vay ghi số tiền bằng chữ là “sáu mươi lăm triệu đồng” là nhầm lẫn, thực tế là 52.000.000 đồng. Khi ông giao tiền cho ông T, bà L thì không làm biên nhận nhận tiền, giao tiền tại nhà ông, lúc đó chỉ có mặt ông và ông T, bà L. Sau đó, ông T, bà L có trả cho ông được 8.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 05 tháng 5 năm 2021, khi trả không làm biên nhận nhận tiền. Từ đó đến nay ông T, bà L không trả gốc và lãi dù ông đã nhiều lần đòi.

Nay ông yêu cầu ông T, bà L trả cho ông số tiền đã vay là 52.000.000 đồng và tiền lãi 23.350.000 đồng, tổng cộng là 75.350.000 đồng. Ông đồng ý trả lại cho ông T, bà L bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T, bà L đã thế chấp cho ông để vay tiền và hủy Hợp đồng thế chấp ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các bên.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, ông T trình bày: Ông yêu cầu ông T, bà L trả số tiền vốn vay 52.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, ông yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vốn vay theo quy định pháp luật. Ông tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi vượt quá quy định pháp luật. Ông đồng ý trả lại cho ông T, bà L bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T, bà L đã thế chấp cho ông để vay tiền và hủy Hợp đồng thế chấp ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T – Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T. Buộc ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Thị Mỹ L có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền 67.816.666 đồng (trong đó tiền gốc là 52.000.000 đồng, lãi là 15.816.666 đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông T và bà L thanh toán số tiền 7.533.334 đồng. Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17 tháng 9 năm 2018 và buộc ông T giao trả cho ông T và bà L bản gốc

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O618167, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13273 do Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai (nay là thị xã G) cấp ngày 25 tháng 10 năm 2000 cho ông Nguyễn Chí T. Phần đất có diện tích 15.600m², thửa đất số 0360, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Phong Thạnh Tây, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Minh T – Chủ Hộ Kinh doanh Trần Minh T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Thị Mỹ L thanh toán tiền vay theo hợp đồng nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Bị đơn ông T và bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ông T xác định: Ông là Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T, vào ngày 17 tháng 9 năm 2018 ông có cho ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Thị Mỹ L vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, khi vay các bên có làm hợp đồng vay tiền nhưng nay đã bị thất lạc. Khi vay ông T, bà L thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Tâm đứng quyền sử dụng. Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Ngọc D vào ngày 17 tháng 9 năm 2018. Sau khi vay, ông T, bà L có đóng lãi nhưng ông không nhớ là bao nhiêu tiền. Đến ngày 15 tháng 11 năm 2020, ông T, bà L vay thêm của ông số tiền 27.000.000 đồng nên các bên thỏa thuận lập hợp đồng vay tiền tổng cộng tiền vay cũ và mới là 52.000.000 đồng, lãi suất 5% tháng. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2020 đến ngày 15 tháng 11 năm 2021. Hợp đồng vay ghi số tiền bằng chữ là “sáu mươi lăm triệu đồng” là nhằm lẫn, thực tế là 52.000.000 đồng. Khi ông giao tiền cho ông T, bà L thì không làm biên nhận nhận tiền, giao tiền tại nhà ông, lúc đó chỉ có mặt ông và ông T, bà L. Sau đó, ông T, bà L có trả cho ông được 8.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 05 tháng 5 năm 2021, khi trả không làm biên nhận nhận tiền. Từ đó đến nay ông T, bà L không trả gốc và lãi dù ông đã nhiều lần đòi. Tại phiên tòa, ông yêu cầu ông T, bà L trả số tiền vốn vay 52.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, ông yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vốn vay theo quy định pháp luật. Ông tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi vượt quy định pháp luật. Ông đồng ý trả lại cho ông T, bà L bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T, bà L đã thế chấp cho ông để vay tiền và hủy Hợp đồng thế chấp ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các bên.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Giao dịch vay tiền giữa ông T và ông T, bà L có lập hợp đồng vay tiền đề ngày 15 tháng 11 năm 2020. Hợp đồng này có

ông T, bà L ký tên vay tiền nên có căn cứ xác định ông T và bà L có vay tiền của ông T. Ông T, bà L không chứng minh được đã trả xong cho ông T và đã bỏ địa phương từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, điều này thể hiện ông T, bà L trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Buộc ông T, bà L cùng có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền đã vay gốc là 52.000.000 đồng.

Về lãi suất: Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, lãi suất được tính bằng: 03 năm 15 ngày x 10% x 52.000.000 đồng = 15.816.666 đồng. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông T, bà L phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông T – Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T là 52.000.000 đồng + 15.816.666 đồng = 67.816.666 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với tiền lãi suất vượt quy định pháp luật là 23.350.000 đồng – 15.816.666 đồng = 7.533.334 đồng.

[6] Khi vay tiền ông T và bà L có thể chấp cho ông T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 618167, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13273 do Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai (nay là thị xã G) cấp ngày 25 tháng 10 năm 2000 cho ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 15.600m², thửa đất số 0360, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Phong Thạnh Tây, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Ngọc Du vào ngày 17 tháng 9 năm 2018. Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc và tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu ông T, bà L trả tiền vay, không yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp và có yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp này, trao trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà L. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông T nên được ghi nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông T và bà L cùng phải chịu án phí trên phần yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận là 67.816.666 đồng x 5% = 3.390.833 đồng. Ông T – Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T – Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T đối với ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Thị Mỹ L.

2. Buộc ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Thị Mỹ L cùng có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Minh T – Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T số tiền 67.816.666 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T – Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T về việc yêu cầu ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Thị Mỹ L thanh toán số tiền 7.533.334 đồng.

4. Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại Văn phòng Công chứng Trần Ngọc D với nội dung là ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Mỹ Linh thế chấp cho ông Trần Minh T quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O618167, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13273 do Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai (nay là thị xã G) cấp ngày 25 tháng 10 năm 2000 cho ông Nguyễn Chí T. Phần đất có diện tích 15.600m², thửa đất số 0360, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Phong Thạnh Tây, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

5. Buộc ông Trần Minh T – Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Mỹ Linh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O618167, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13273 do Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai (nay là thị xã G) cấp ngày 25 tháng 10 năm 2000 cho ông Nguyễn Chí T. Phần đất có diện tích 15.600m², thửa đất số 0360, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Phong Thạnh Tây, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

6. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Thị Mỹ L cùng phải chịu số tiền 3.390.833 đồng.

- Ông Trần Minh T – Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T không phải chịu án phí. Ông Trần Minh T – Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T đã dự nộp số tiền 1.800.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008402 ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên ông Trần Minh T – Chủ Hộ kinh doanh Trần Minh T được hoàn lại 1.800.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

7. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Nhi